

Số: 818/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai
và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản
tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển giai đoạn 2015-2020”**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số số 06/2003/PL-UBTVQH11, ngày 09/01/2003;

Căn cứ Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/08/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 59/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị tại các công văn số 825/TCDS-QMDS ngày 27/12/2014 và 92/TCDS-QMDS ngày 09/3/2015 của Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình về phê duyệt Đề án “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế

hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển giai đoạn 2015-2020”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển giai đoạn 2015-2020” với các nội dung chính như sau:

1. Quan điểm và mục tiêu đề án

a) Quan điểm

- Xã hội hoá là mục tiêu, là động lực, là chính sách lâu dài cho sự phát triển bền vững của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Xã hội hoá là tăng đầu tư của xã hội trên cơ sở nâng cao chất lượng dịch vụ và trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng.

- Đẩy mạnh xã hội hoá là tăng cường vai trò quản lý nhà nước, điều phối của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu quả và chất lượng các phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội.

- Thực hiện xã hội hóa không chỉ đơn thuần là huy động vốn mà còn là tạo điều kiện để toàn xã hội, mọi cá nhân quan tâm được tham gia đóng góp, quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực này.

- Xã hội hoá phải đảm bảo công bằng trong việc tiếp cận các nguồn lực chung của nhà nước của mọi đối tượng trong xã hội; đảm bảo quyền lợi cơ bản của mọi người dân, trợ giúp người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ phát triển các vùng sâu, vùng xa và thực hiện công bằng xã hội.

- Xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản; cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản vừa là xu thế tất yếu của nền kinh tế thị trường, vừa là một trong những giải pháp huy động đóng góp của xã hội, tăng đầu tư cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình để thực hiện các mục tiêu dân số và kế hoạch hóa gia đình.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát:

Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản có chất lượng cho người dân nhằm đảm bảo sự công bằng xã hội, sự bền vững của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình; huy động và nâng cao hiệu quả của các nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:
- + Có ít nhất 01 chủng loại phương tiện tránh thai mới được đưa vào Việt Nam.
- + Có ít nhất 01 chủng loại phương tiện tránh thai hoặc hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản mới được sản xuất tại Việt Nam.
- + 100% cấp tỉnh tại địa bàn Đề án có Trung tâm Tư vấn và cung ứng dịch vụ cấp tỉnh thực hiện xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.
- + 100% cấp huyện tại địa bàn Đề án có cơ sở y tế thực hiện xã hội hóa cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.
- + 100% cấp xã tại địa bàn Đề án có cơ sở thực hiện xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

2. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện của đề án

a) Phạm vi thực hiện của Đề án:

Đề án được triển khai tại khu vực thành thị (gồm các phường/xã của 160 quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh); khu vực nông thôn phát triển (gồm các thị trấn/xã của huyện có khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu du lịch và khu dịch vụ/thương mại khác); và địa bàn ưu tiên khác của các nhà tài trợ của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Đối tượng của Đề án:

- Đối tượng tác động: doanh nghiệp/tổ chức/tư nhân sản xuất, phân phối cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản; cơ sở y tế trong và ngoài công lập cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

- Đối tượng thụ hưởng: người làm việc, người sinh sống tại địa bàn của đề án, ưu tiên các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, thanh niên, vị thành niên.

c) Thời gian thực hiện của đề án:

- Giai đoạn 1 (từ năm 2015 đến năm 2017): Thực hiện các nghiên cứu, thử nghiệm mô hình; ban hành các kế hoạch tổng thể, chính sách khuyến khích xã hội hóa theo từng phân khúc thị trường. Nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua triển khai rộng các loại hình dịch vụ hiện có hoặc đánh giá có hiệu quả tại cơ sở thực hiện xã hội hóa; củng cố cơ sở vật chất và mạng lưới các cơ sở thực hiện xã hội hóa. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông hành vi, vận động các nhà tài trợ. Bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật thúc đẩy phát triển các thị trường để hỗ trợ thực hiện đề án.

- Giai đoạn 2 (từ năm 2018 đến năm 2020): Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện của giai đoạn 2015-2017, điều chỉnh chính sách khuyến khích phù hợp, triển khai toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện thành công các mục tiêu của Đề án.

3. Các nhiệm vụ và hoạt động chủ yếu của Đề án

a) Đa dạng hóa phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản theo phân khúc thị trường, chú trọng vào các phương tiện tránh thai hiện đại có tác dụng lâu dài và hiệu quả.

(1) Củng cố và phát triển mạng lưới cung ứng phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản trên cơ sở huy động sự tham gia của các doanh nghiệp/tổ chức/tư nhân thuộc các thành phần kinh tế theo phân khúc thị trường.

+ Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu sử dụng sản phẩm tránh thai và kênh phân phối hiện có theo từng chủng loại và từng phân khúc thị trường; xây dựng, cập nhật kế hoạch thị trường tổng thể, kế hoạch đảm bảo an ninh phương tiện tránh thai, sản phẩm tránh thai hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản theo phân khúc thị trường.

+ Nghiên cứu, thí điểm mô hình, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, tư nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia nhập khẩu, phân phối, cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản theo kế hoạch tổng thể.

+ Nghiên cứu, thí điểm mô hình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức sản xuất phương tiện tránh thai, hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản tại Việt Nam.

+ Nghiên cứu, thí điểm mô hình, thực hiện mua sắm và đảm bảo hậu cần phương tiện tránh thai có chất lượng theo kế hoạch tổng thể.

(2) Nâng cao chất lượng và số lượng chủng loại phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản theo phân khúc thị trường; Thử nghiệm, đưa ra thị trường chủng loại phương tiện tránh thai mới.

+ Khảo sát, bổ sung chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức thuộc các thành phần kinh tế thực hiện nghiên cứu lựa chọn, thử nghiệm lâm sàng; đánh giá khả năng tiếp cận và chấp nhận sử dụng; tổ chức sự kiện truyền thông về một số chủng loại phương tiện tránh thai mới tại Việt Nam.

+ Tiến hành đăng ký và đưa ra thị trường một số chủng loại phương tiện tránh thai mới (gồm phương tiện tránh thai có tác dụng ngắn hạn và dài hạn) trên cơ sở nhu cầu của người dân và thị phần trong kế hoạch tổng thể. Biên tập, nhân bản tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tư vấn về phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

+ Tập huấn cập nhật, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tư vấn sử dụng các chủng loại phương tiện tránh thai cho người cung ứng phương tiện tránh thai, người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản trên thị trường và trong chương trình.

(3) Tăng cường quản lý chất lượng phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản; thử nghiệm mô hình đăng ký hợp quy, hợp chuẩn về phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

+ Nghiên cứu, bổ sung văn bản, hướng dẫn về quản lý, lưu thông, phân phối; đăng ký và kiểm soát chất lượng phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản. Tăng cường phối hợp liên ngành, phân công trách nhiệm, vai trò cụ thể của từng tổ chức trong kiểm tra, đánh giá chất lượng phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản từ khâu sản xuất, nhập khẩu, lưu thông và phân phối.

+ Tổ chức định kỳ các cuộc kiểm tra, đánh giá chất lượng phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

+ Phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho các nhóm đối tượng tham gia sản xuất, nhập khẩu, lưu thông và phân phối; nhất là cán bộ quản lý, chủ doanh nghiệp/tổ chức để tránh tình trạng xuất hiện sản phẩm, hàng hóa không phù hợp với tiêu chuẩn công bố hoặc quy chuẩn kỹ thuật.

+ Thử nghiệm đăng ký hợp quy, hợp chuẩn các phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản lưu hành trong toàn quốc.

b) Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản của người dân.

(4) Nâng cao năng lực cho các cơ sở y tế công lập để thực hiện xã hội hóa cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

+ Hoàn thiện và nhân rộng các loại hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản có chất lượng và hiệu quả đã triển khai thành công hoặc đánh giá có hiệu quả của các cơ sở y tế công lập để thực hiện xã hội hóa và đồng thời đảm bảo khả năng tiếp cận của người nghèo, cận nghèo và các nhóm dân cư được ưu tiên theo chính sách của nhà nước, phù hợp theo phân khúc thị trường, nhu cầu sử dụng và khả năng chi trả, tập quán của từng vùng miền, từng đối tượng.

+ Nghiên cứu, thí điểm mô hình, chính sách khuyến khích cơ sở y tế công lập thực hiện xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

+ Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn, kỹ thuật dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản cho người cung cấp dịch vụ; hỗ trợ bổ sung trang thiết bị, dụng cụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản của các cơ sở y tế công lập để đáp ứng tiêu chí cơ sở thực hiện xã hội hóa.

(5) Khuyến khích và huy động các cơ sở y tế ngoài công lập (doanh nghiệp, tổ chức tư nhân; tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ) thực hiện xã hội hóa cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

+ Nghiên cứu, thí điểm mô hình, chính sách khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập thực hiện cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản theo phân khúc thị trường.

+ Tập huấn, bổ sung, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn, kỹ thuật dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản cho người cung cấp dịch vụ; thực hiện chính sách hỗ trợ để bổ sung trang thiết bị, dụng cụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản cho cơ sở y tế ngoài công lập để đáp ứng tiêu chí cơ sở thực hiện xã hội hóa.

c) Tạo hàng lang, cơ sở pháp lý, nâng cao năng lực quản lý nhà nước; thúc đẩy phát triển thị trường phương tiện tránh thai và hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản và thị trường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

(6) Tạo hàng lang pháp lý phát triển thị trường phương tiện tránh thai, hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản và thị trường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

+ Nghiên cứu, khảo sát, bổ sung chính sách khuyến khích xã hội hóa và phát triển thị trường, như: Các quy định, hướng dẫn thực hiện xã hội hóa; tiêu chí của cơ sở xã hội hóa; chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất, nhập khẩu và cung ứng, cung cấp dịch vụ theo kế hoạch tổng thể; cơ chế tài chính của từng loại hình theo phân khúc thị trường; chiến lược “chi trả” phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và tập quán văn hóa và các chính sách khác.

+ Tổ chức khảo sát, học tập trao đổi kinh nghiệm quốc tế; chính sách vận động, thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư, các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế tham gia hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật về cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản tại Việt Nam.

+ Xây dựng các chỉ báo giám sát, đánh giá; khung công cụ giám sát, đánh giá. Điều tra thông tin cơ bản đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ để đánh giá kết quả Đề án. Tổ chức các đợt giám sát định kỳ và hỗ trợ kỹ thuật.

+ Các hội thảo chuyên đề, hội nghị triển khai hàng năm, sơ kết, tổng kết.

(7) Tuyên truyền, vận động tạo môi trường xã hội đồng thuận thúc đẩy xã hội hóa và phát triển thị trường phương tiện tránh thai, hàng hóa kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản và thị trường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản

+ Vận động cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp ban hành các Nghị quyết, chính sách, đầu tư nguồn lực; huy động sự tham gia, đóng góp nguồn lực của nhà tài trợ, các tổ chức, cá nhân thực hiện Đề án. Nội dung tập trung vào sự cần thiết, lợi ích của đẩy mạnh xã hội hóa với phát triển kinh tế địa phương và tình hình thực hiện Đề án.

+ Truyền thông chuyển đổi hành vi để nâng cao hiểu biết, nhận thức tạo sự chuyển đổi hành vi đúng đắn và bền vững của đối tượng tác động, đối tượng thụ hưởng. Nội dung ưu tiên là chuyển đổi hành vi từ “bao cấp, miễn phí” sang “mua, bán” phù hợp với khả năng chi trả và điều kiện của đối tượng theo phân khúc thị trường.

+ Sản xuất (biên tập, thiết kế, phát hành) các loại tài liệu, tờ rơi, sách mỏng; sản xuất và phát sóng các chương trình truyền hình, phát thanh của trung ương và địa phương; sản xuất và nhân bản các phóng sự, phim, tiểu phẩm, kịch truyền hình, truyền thanh; xây dựng chuyên trang, chuyên đề, bản tin, phóng sự trên báo, tạp chí, website có uy tín về các vấn đề xã hội hóa.

+ Các hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng, cung cấp thông tin, kiến thức; các truyền thông sự kiện về các vấn đề xã hội hóa đến các nhóm đối tượng.

+ Tổ chức hội thảo chuyên môn, chuyên đề; Hội nghị vận động các nhà tài trợ.

(8) Nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin quản lý, hậu cần của Đề án.

+ Sử dụng nhân viên và trang thiết bị tin học của cơ sở xã hội hóa để hình thành các điểm thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin trực tuyến qua Internet của kho dữ liệu điện tử thông tin quản lý, hậu cần của Đề án. Thí điểm áp dụng quản lý thông tin, hậu cần của các cơ sở xã hội hóa bằng các kỹ thuật hiện đại (thẻ, mã vạch, phương tiện trung gian khác).

+ Xây dựng quy trình nghiệp vụ; phân tích, khảo sát và thiết kế hệ thống; phát triển phần mềm; quản lý, vận hành và khai thác kho dữ liệu điện tử thông tin quản lý, hậu cần của Đề án; Hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ.

+ Tập huấn và thực hiện chính sách hỗ trợ, cung cấp phần mềm thiết bị tin học phù hợp cho các điểm thu tin. Tổ chức cung cấp thông tin theo yêu cầu và nhu cầu.

4. Nguồn vốn và nhân lực thực hiện Đề án

a) Nguồn vốn thực hiện Đề án

Các nguồn vốn thực hiện Đề án bao gồm ngân sách trung ương, ODA (tài chính, kỹ thuật, hàng hóa); Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Ưu tiên bố trí ngân sách trung ương và nguồn ODA để đảm bảo tiến độ triển khai Đề án; Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách của địa phương tại địa bàn thực hiện đề án.

Giải pháp huy động hợp pháp khác, Ban Quản lý Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ, cho phép vay ưu đãi, bảo lãnh vay thương mại, tạo cơ chế, chính sách thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, tư nhân thuộc các thành phần kinh tế chủ động trong việc bố trí và huy động nguồn vốn hợp pháp để tham gia thực hiện đề án.

Tổng kinh phí thực hiện Đề án khoảng: 797.937 triệu đồng

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 480.744 triệu đồng.

 Vốn huy động hợp pháp khác khoảng: 317.193 triệu đồng.

b) Nhân lực thực hiện Đề án:

Lãnh đạo cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp chỉ đạo, quản lý Đề án. Cán bộ lãnh đạo, chuyên môn, kỹ thuật của các cơ quan y tế/dân số tại địa bàn thực hiện Đề án.

Người cung cấp dịch vụ, lãnh đạo của các cơ sở thực hiện xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản.

Ngoài ra, căn cứ vào từng hoạt động, từng giai đoạn, từng địa bàn, cơ quan quản lý Đề án địa phương sẽ huy động nhân lực tại chỗ tham gia thực hiện Đề án.

5. Cơ chế quản lý và điều hành Đề án

Cơ chế quản lý và điều hành Đề án thực hiện theo các quy định pháp luật về quản lý nguồn vốn sự nghiệp y tế/dân số và xã hội hóa công tác y tế/dân số. Trong đó, Trung ương (Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) thực hiện vai trò hướng dẫn, tạo cơ chế chính sách, đầu tư nguồn lực trong giai đoạn thí điểm, truyền thông, quản lý và giám sát hỗ trợ kỹ thuật. Địa phương (Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) chủ động, tích cực trong việc bổ sung cơ chế chính sách, huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của từng địa phương; tổ chức thực hiện các mục tiêu, nội dung của Đề án.

Tại trung ương, thành lập Ban chỉ đạo Đề án do Lãnh đạo Bộ Y tế làm Trưởng Ban, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình làm Phó Ban thường trực, thành viên là Lãnh đạo Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, nhà tài trợ và các Vụ/đơn vị có liên quan; thành lập Ban Quản lý đề án tại Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để quản lý, điều hành các nguồn vốn và phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn và thẩm định kế hoạch hoạt động của các địa phương; tổ chức triển khai các hoạt động; kiểm tra, giám sát hỗ trợ kỹ thuật.

Tại địa phương, Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan chủ trì, thành lập Ban Quản lý Đề án cấp tỉnh, Lãnh đạo Sở Y tế làm Trưởng Ban, Chi cục trưởng là Phó Ban thường trực, thành viên là các đơn vị có liên quan để quản lý và điều hành hoạt động của Đề án; phối hợp với các Sở, ngành khác liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt sau thẩm định của Trung ương; xây dựng cơ chế chính sách của địa phương; thành lập Trung tâm Tư vấn và cung ứng dịch vụ cấp tỉnh, tổ chức triển khai các hoạt động theo hướng dẫn; kiểm tra, giám sát.

6. Tổ chức thực hiện Đề án

a) Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- Chủ trì và chịu trách nhiệm thực hiện Đề án; phối hợp với các Vụ/đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án.
- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành các thủ tục tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật cho Đề án.
- Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Lãnh đạo Bộ Y tế.
- Chủ trì xây dựng, trình Bộ Y tế các văn bản, hướng dẫn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành; tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để trình cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung.
- Chủ trì, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các văn bản, hướng dẫn xã hội hóa trong lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.
- Trên cơ sở Đề án được duyệt, xây dựng, điều chỉnh kịp thời danh mục chi tiết các dự án đầu tư liên quan (nếu có) trình Bộ Y tế phê duyệt và công bố theo quy định.

b) Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình báo cáo Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính để cân đối và phân bổ nguồn lực cho Đề án; cơ chế, chính sách thực hiện Đề án; hướng dẫn triển khai đề án.

- Phối hợp với Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, trên cơ sở khả năng ngân sách nhà nước, hàng năm bố trí ngân sách thực hiện Đề án; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch phù hợp, bố trí vốn nhà nước cho các dự án hợp tác công tư thuộc lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; các nội dung liên quan đến công tác quy hoạch thuộc lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ.

c) Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em

- Phối hợp với Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tham gia thực hiện Đề án trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ.

d) Vụ Pháp chế

- Chủ trì thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật trước khi ban hành hành có liên quan đến việc triển khai Đề án (nếu có).

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ.

đ) Các cơ quan trực thuộc Bộ

- Theo phạm vi quản lý, các Vụ, Cục, cơ quan tham mưu thuộc Bộ Y tế chủ động phối hợp với Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình nghiên cứu triển khai có hiệu quả Đề án.

- Trong quá trình quản lý thực hiện, ngoài việc tuân thủ Quyết định này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện theo các quy định hiện hành. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo Bộ Y tế xử lý kịp thời.

e) Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố

- Huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của địa phương.

- Lòng ghép có hiệu quả các hoạt động của Đề án với các hoạt động của các Chương trình/dự án khác có liên quan đang thực hiện trên cùng địa bàn đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Chỉ đạo Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tổ chức thực hiện Đề án theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất (nếu có).

- Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện Đề án theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà: Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch- Tài chính, Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Y tế và thủ trưởng các Vụ, Cục, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, TP;
- Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD các tỉnh, TP;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHTC2.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Việt Tiến